TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2024/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thành, ngày 30 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I - Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Bùi văn V - sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn:

Bà Quách Thị T; sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

II- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn V và bà Quách Thị T thống nhất, thỏa thuận đến nay ông V, bà T có số tài sản chung là:

1. 01 thửa đất số thửa 87, tờ bản đồ 06, diện tích là 435 m^2, trị giá 300.675.000 đồng (Theo biên bản định giá ngày 06/12/2024). Trên đất có 1 nhà cấp bốn 4 gian, không còn giá trị.

2. Các tài sản trên đất:

a. Về cây cối:

+ 01 Cây chanh loại B có giá 140.000 đồng

+ 01 Cây tai chua có giá 829.400 đồng

+ 02 Cây hoa đại có giá: 02 cây x 44.000đ = 88.000 đồng

+ 01 Cây khế có giá 200.000 đồng

+ 02 Cây xoài có giá: 02 cây x 750.000đ = 1.500.000 đồng

+ 01 Cây bơ có giá: 450.000 đồng

+ 02 Cây xưa có giá: 02 cây x 160.000đ = 320.000 đồng

+ 02 Cây xoan: 02 cây x 123.500đ = 247.000 đồng

+ 02 Cây sung: 02 cây x 343.000đ = 686.000 đồng

+ 30 Cây chuối: 30 cây x 40.000đ = 1.200.000 đồng

Tổng giá trị cây cối trên đất là 5.660.000đ (Năm triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

b. Về nhà ở 1: Nhà cấp 4 dài 12m, rộng 6,1m, xây dựng 2002, nhà xây tường chịu lực, tường 220, kết hợp tường 110, mái lợp tôn, nền lát gạch nhà hết khấu hao, giá trị 0 đồng.

c. Nhà ở số 2: Xây dựng năm 2002 có chiều dài 6,4m, rộng 5m, nhà xây tường chịu lực, tường 220, kết hợp tường 110, mái lợp tôn, nền lát gạch nhà hết khấu hao, giá trị 0 đồng.

d. Bán bình trước nhà: Xây dựng năm 2016:

+ Bán bình lợp tôn xốp: 12m^2 x 385.000đ x 47% = 2.171.000 đồng

+ Bán bình lợp tôn thường: 34,3m^2 x 347.000đ x 47% = 5.594.000 đồng

3. 01 thửa đất nông nghiệp, số thửa 52, tờ bản đồ 34, diện tích là 3233,9 m^2, trị giá 113.186.500 đồng (Theo biên bản định giá ngày 06/12/2024).

Tổng giá trị tài sản của vợ chồng là 427.286.500 đồng (Làm tròn là 427.286.000 đồng).

III. Ông Bùi Văn V và bà Quách Thị T thống nhất, thỏa thuận phân chia như sau:

1- Chia cho bà Quách Thị T:

- Toàn bộ thửa đất số thửa 87, tờ bản đồ 06, diện tích là 435 m^2, trị giá thửa đất là 300.675.000 đồng.

Địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện T - Thanh Hóa.

Trên đất có 02 nhà cấp bốn 4; 02 bán bình và toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất có trị giá là 13.425.000 đồng.

+ 1/2 phần thửa đất nông nghiệp, số thửa 52, tờ bản đồ 34, diện tích là 1616,9 m^2, có giá trị 56.593.000 đồng (Nay là thửa 323 - Có sơ đồ kèm theo).

Địa chỉ thửa đất tại: thôn Đ, xã T, huyện T - Thanh Hóa.

Tổng giá trị tài sản bà T được nhận là ***370.693.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng).***

2. Chia cho ông Bùi Văn V:

- 1/2 phần thửa đất nông nghiệp, số thửa 52, tờ bản đồ 34, diện tích là 1616,9 m^2, ***có giá trị 56.593.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng***) (Nay là thửa 324 - Có sơ đồ kèm theo).

Địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện T - Thanh Hóa.

Bà T có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) về tiền chênh lệch tài sản chung của vợ chồng vào ngày 28/02/2025.

Ông V được nhận của bà T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) về khoản tiền chênh lệch tài sản chung của vợ chồng vào ngày 28/02/2025.

3. Về án phí:

- Ông Bùi Văn V phải chịu 5.341.000 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự số tiền là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0002438 ngày 31/10/2024. Ông Bùi Văn V được nhận lại số tiền 909.000 đồng (Chín trăm linh chín nghìn đồng).

- Bà Quách Thị T phải chịu 5.341.000 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn